

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình đào tạo: Khoa học dữ liệu
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Khoa học dữ liệu Mã số: 7461018
Loại hình đào tạo: Chính quy

*(Ban hành theo Quyết định số 685/QĐ-ĐHKTTCN ngày 14/08/2024 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Kinh tế- Kỹ thuật Công nghiệp)*

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Khoa học dữ liệu của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng nhằm trang bị cho sinh viên có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe; có nền tảng kiến thức chuyên sâu về toán học, thống kê và công nghệ thông tin; có khả năng phân tích và xử lý dữ liệu trong các vấn đề thực tế liên quan đến kinh tế, tài chính, kỹ thuật, và các lĩnh vực khác liên quan đến dữ liệu. Đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực khoa học dữ liệu chất lượng, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong nước và quốc tế. Sinh viên tốt nghiệp sẽ có định hướng nghề nghiệp rõ ràng cũng như khả năng tự học, đổi mới sáng tạo, khả năng giao tiếp, tư duy khởi nghiệp và tuân thủ trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp.

1.2. Mục tiêu cụ thể

PO1: Áp dụng được kiến thức nền tảng về toán học, thống kê, khoa học máy tính, khoa học xã hội, chính trị, pháp luật và lập luận ngành để giải quyết các vấn đề thuộc về lĩnh vực khoa học dữ liệu trong doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị.

PO2: Thể hiện được kỹ năng, phẩm chất cá nhân và định hướng phát triển nghề nghiệp rõ ràng, tư duy hệ thống, tư duy đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp nhằm thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập.

PO3: Thể hiện được kỹ năng làm việc nhóm, khả năng làm việc độc lập; giao tiếp hiệu quả; khả năng tự học; tham gia vào các cơ hội học tập suốt đời và luôn cập nhật các xu hướng, công nghệ mới nổi trong lĩnh vực khoa học dữ liệu.

PO4: Phát triển khả năng phân tích và giải quyết các vấn đề thực tiễn bằng khoa học dữ liệu dựa trên việc sử dụng các mô hình thống kê và trí tuệ nhân tạo.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

2.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp ngành Khoa học dữ liệu, có khả năng:

PLO1: Áp dụng kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, pháp luật trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống

PLO2: Vận dụng kiến thức cơ sở ngành để giải quyết các vấn đề chuyên môn cơ bản trong lĩnh vực khoa học dữ liệu.

PLO3: Vận dụng kiến thức chung ngành để giải quyết các vấn đề chuyên môn trong hoạt động nghề nghiệp của ngành khoa học dữ liệu.

PLO4: Áp dụng phần mềm chuyên ngành và những thành tựu mới về khoa học công nghệ trong hoạt động chuyên môn của ngành khoa học dữ liệu.

Định hướng đào tạo Khoa học dữ liệu (Modul 1)

PLO5.01: Tổng hợp khối kiến thức chuyên ngành khoa học dữ liệu trong hoạt động nghề nghiệp để phân tích, xây dựng mô hình dữ liệu và phát triển sản phẩm dữ liệu.

Định hướng đào tạo Phân tích dữ liệu (Modul 2)

PLO5.02: Tổng hợp kiến thức chuyên ngành phân tích dữ liệu để phân tích, đánh giá và xây dựng hệ thống thông minh trong lĩnh vực phân tích dữ liệu nhằm hỗ trợ việc ra quyết định dựa trên dữ liệu.

PLO6: Hình thành kỹ năng làm việc độc lập, phản biện, tự định hướng, và thích nghi trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi để đạt được sự nghiệp trong lĩnh vực khoa học dữ liệu.

PLO7: Sử dụng thành thạo ngoại ngữ Tiếng Anh vào các hoạt động khoa học dữ liệu (đạt mức 3/6 trong Khung năng lực NN Việt Nam).

PLO8: Thể hiện khả năng giao tiếp hiệu quả và làm việc nhóm trong các hoạt động chuyên môn.

PLO9: Lập kế hoạch công việc, tổ chức, giám sát, đánh giá, quản lý, truyền đạt, phổ biến các kiến thức về lĩnh vực dữ liệu để khởi nghiệp và kinh doanh thành công.

PLO10: Nhận thức được tầm quan trọng của việc tự học tập và học tập suốt đời cũng như tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.

2.2. Trình độ tin học, ngoại ngữ

- Trình độ tin học: Đào tạo người học đạt chuẩn trình độ về tin học về Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (*theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDĐT-BTTTT*) và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

- Trình độ ngoại ngữ: Đào tạo người học đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (*theo thông tư Số: 01/2014/TT-BGDĐT*) và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

2.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành khoa học dữ liệu sẽ có nhiều cơ hội việc làm, sau đây là một số vị cụ thể:

1. Chuyên viên phân tích dữ liệu kinh doanh:

- Phân tích dữ liệu bán hàng, marketing, tài chính, v.v. để đưa ra chiến lược kinh doanh hiệu quả;
- Xây dựng mô hình dự đoán doanh thu, lợi nhuận, chi phí, v.v;
- Báo cáo kết quả phân tích dữ liệu cho ban lãnh đạo.

2. Nhà khoa học dữ liệu:

- Áp dụng các thuật toán học máy và trí tuệ nhân tạo để giải quyết các vấn đề kinh doanh;
- Phát triển các mô hình học máy để dự đoán hành vi khách hàng, tối ưu hóa quy trình, v.v;
- Nghiên cứu và ứng dụng các công nghệ mới trong khoa học dữ liệu.

3. Chuyên gia tư vấn khoa học dữ liệu:

- Tư vấn cho các doanh nghiệp về việc ứng dụng khoa học dữ liệu;
- Phát triển chiến lược và giải pháp khoa học dữ liệu cho doanh nghiệp;
- Đào tạo và huấn luyện nhân viên về khoa học dữ liệu.

4. Chuyên viên nghiên cứu khoa học dữ liệu:

- Nghiên cứu các phương pháp và thuật toán mới trong khoa học dữ liệu;
- Phát triển các công cụ và ứng dụng khoa học dữ liệu mới;
- Tham gia các dự án nghiên cứu khoa học về khoa học dữ liệu.

5. Giảng viên khoa học dữ liệu:

- Giảng dạy các môn học về khoa học dữ liệu tại các trường đại học, cao đẳng;
- Phát triển chương trình đào tạo về khoa học dữ liệu;
- Nghiên cứu khoa học về khoa học dữ liệu.

6. Chuyên viên phân tích dữ liệu y tế:

- Phân tích dữ liệu y tế để chẩn đoán bệnh, dự đoán nguy cơ mắc bệnh, v.v;
- Phát triển các mô hình học máy để hỗ trợ bác sĩ trong việc chẩn đoán và điều trị bệnh;
- Nghiên cứu khoa học về khoa học dữ liệu y tế.

7. Chuyên viên phân tích dữ liệu tài chính:

- Phân tích dữ liệu tài chính để dự đoán thị trường chứng khoán, đánh giá rủi ro, v.v;
- Phát triển các mô hình học máy để hỗ trợ các nhà đầu tư trong việc đưa ra quyết định đầu tư;
- Nghiên cứu khoa học về khoa học dữ liệu tài chính.

8. Chuyên viên phân tích dữ liệu marketing:

- Phân tích dữ liệu marketing để hiểu hành vi khách hàng, hiệu quả chiến dịch marketing, v.v;
- Phát triển các mô hình học máy để tối ưu hóa chiến dịch marketing;
- Nghiên cứu khoa học về khoa học dữ liệu marketing.

9. Chuyên viên phân tích dữ liệu an ninh mạng:

- Phân tích dữ liệu an ninh mạng để phát hiện và ngăn chặn các cuộc tấn công mạng;
- Phát triển các mô hình học máy để dự đoán các mối đe dọa an ninh mạng;
- Nghiên cứu khoa học về khoa học dữ liệu an ninh mạng.

2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Sinh viên tốt nghiệp ngành Khoa học Dữ liệu có nhiều cơ hội học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp. Dưới đây là một số con đường phổ biến:

1. Tham gia các khóa học chuyên sâu:

Có rất nhiều trung tâm đào tạo và trường đại học cung cấp các khóa học chuyên sâu về khoa học dữ liệu. Các khóa học này giúp sinh viên nâng cao kiến thức và kỹ năng về các lĩnh vực cụ thể như học máy, trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn, v.v.

2. Tham gia các hội thảo và hội nghị chuyên ngành:

Đây là cơ hội để sinh viên học hỏi kinh nghiệm từ các chuyên gia trong ngành, cập nhật các xu hướng mới nhất về khoa học dữ liệu và mở rộng mạng lưới quan hệ.

3. Tự học:

Với sự phát triển của internet, sinh viên có thể dễ dàng tìm kiếm các tài liệu học tập online về khoa học dữ liệu. Có rất nhiều khóa học online miễn phí và trả phí, cũng như các blog, sách điện tử và video hướng dẫn về khoa học dữ liệu.

4. Tham gia các dự án thực tế:

Đây là cách tốt nhất để sinh viên áp dụng kiến thức và kỹ năng đã học vào thực tế. Sinh viên có thể tham gia các dự án cá nhân, dự án nhóm hoặc dự án của các doanh nghiệp.

5. Làm việc trong môi trường thực tế:

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm việc cho các doanh nghiệp trong các lĩnh vực khác nhau như ngân hàng, chứng khoán, thương mại điện tử, y tế, viễn thông, sản xuất, năng lượng, logistics, du lịch, giáo dục, v.v. Làm việc trong môi trường thực tế giúp sinh viên nâng cao kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng giao tiếp.

6. Ngoài ra, sinh viên cũng có thể học tập nâng cao trình độ của mình bằng cách:

Xuất bản các bài báo khoa học; Tham gia các cuộc thi khoa học; Giảng dạy; Nghiên cứu khoa học.

3. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT		Chuẩn đầu ra của CTĐT										
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05.1	PL05.2	PL06	PL07	PL08	PL09	PL010
Mục tiêu chung: Chương trình đào tạo ngành Khoa học dữ liệu của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng nhằm trang bị cho sinh viên có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe; có nền tảng kiến thức chuyên sâu về toán học, thống kê và công nghệ thông tin; có khả năng phân tích và xử lý dữ liệu trong các vấn đề thực tế liên quan đến kinh tế, tài chính, kỹ thuật, và các lĩnh vực khác liên quan đến dữ liệu. Đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực khoa học dữ liệu chất lượng, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong nước và quốc tế. Sinh viên tốt nghiệp sẽ có định hướng nghề nghiệp rõ ràng cũng như khả năng tự học, đổi mới sáng tạo, khả năng giao tiếp, tư duy khởi nghiệp và tuân thủ trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp.												
Mục tiêu cụ thể												
PO1	Áp dụng được kiến thức nền tảng về toán học, thống kê, khoa học máy tính, khoa học xã hội, chính trị, pháp luật và lập luận ngành để giải quyết các vấn đề thuộc về lĩnh vực khoa học dữ liệu trong doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị.	x	x	x	x							
PO2	Thể hiện được kỹ năng, phẩm chất cá nhân và định hướng phát triển nghề nghiệp rõ ràng, tư duy hệ thống, tư duy đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp nhằm thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập.										x	x
PO3	Thể hiện được kỹ năng làm việc nhóm, khả năng làm việc độc lập; giao tiếp hiệu quả; khả năng tự học; tham gia vào các cơ hội học tập suốt đời và luôn cập nhật các xu hướng, công nghệ mới nổi trong lĩnh vực khoa học dữ liệu.							x	x	x		
PO4	Phát triển khả năng phân tích và giải quyết các vấn đề thực tiễn bằng khoa học dữ liệu dựa trên việc sử dụng các mô hình thống kê và trí tuệ nhân tạo.			x	x	x	x					

4. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 136 tín chỉ (Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất (4TC) và Giáo dục quốc phòng (8 TC))

Trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 40 tín chỉ
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 96 tín chỉ
 - *Phân lý thuyết* 62 tín chỉ
 - *Phân thực hành, thực tập, đồ án* 25 tín chỉ
 - *Khoá luận tốt nghiệp* 9 tín chỉ

5. Đối tượng tuyển sinh: Người học đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học – Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Đào tạo theo học chế tín chỉ.

- Điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

7. Cách thức đánh giá: Theo thang điểm 10, Theo thang điểm 4 và thang điểm chữ được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

8. Nội dung chương trình

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương (40 tín chỉ) (chưa bao gồm khối lượng kiến thức GDTC, GDQP)			40		
	1.1. Lý luận chính trị		11		
001535	1. Triết học Mác-Lênin	LLCT&PL	3	(33, 24, 90)	x
001536	2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
001537	3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
	1.2. Khoa học xã hội		2		
000585	1. Pháp luật đại cương	LLCT&PL	2	(26, 8, 60)	x
	1.3. Khoa học tự nhiên – Toán học - Tin học		8		
002296	Đại số tuyến tính cho KHDL	KHUD	4	(52,16,120)	x
002297	Toán giải tích cho KHDL	KHUD	4	(42,36,120)	x
	1.4. Ngoại ngữ		16		
001942	1. Tiếng Anh 1	NN	4	(48,24,120)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
001943	2. Tiếng Anh 2	NN	4	(48,24,120)	x
001944	3. Tiếng Anh 3	NN	4	(48,24,120)	x
001945	4. Tiếng Anh 4	NN	4	(48,24,120)	x
	1.5. Kiến thức bổ trợ		3		
002151	1. Kỹ năng nhận thức bản thân	KHUD	1	(15, 0, 30)	x
002300	2. Kỹ năng nghề nghiệp - KHDL	KHUD	1	(15, 0, 30)	x
002129	3. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	KHUD	1	(15, 0, 30)	x
	1.6. Giáo dục thể chất	GDTC	4		
000718	1. Giáo dục thể chất 1	GDTC	1	(0,30,30)	x
000719	2. Giáo dục thể chất 2	GDTC	1	(0,30,30)	x
000739	3. Giáo dục thể chất 3	GDTC	1	(0,30,30)	x
000740	4. Giáo dục thể chất 4	GDTC	1	(0,30,30)	x
	1.7. Giáo dục quốc phòng	GDQP	8		
002200	1. Giáo dục quốc phòng - HP1	GDQP	3	(37, 16, 0)	x
002201	2. Giáo dục quốc phòng - HP2	GDQP	2	(22, 16, 0)	x
002202	3. Giáo dục quốc phòng - HP3	GDQP	1	(7, 16, 0)	x
002203	4. Giáo dục quốc phòng - HP4	GDQP	2	(4, 56, 0)	x
	2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (96 tín chỉ)				
	2.1. Kiến thức cơ sở ngành		24		
002298	Tin học cơ sở cho KHDL	KHUD	4	(44,32,120)	x
002301	Lập trình R	KHUD	2	(18, 24,60)	x
002360	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật KHDL	KHUD	3	(36,18,90)	x
002307	Toán rời rạc cho KHDL	KHUD	3	(33,24,90)	x
002308	Thống kê toán học	KHUD	3	(36,18,90)	x
002299	Lý thuyết xác suất	KHUD	3	(36,18,90)	x
002318	Giải tích số	KHUD	3	(36,18,90)	x
002303	Thực tập lập trình cơ bản KHDL	KHUD	3	(0,90,90)	x
	2.2. Kiến thức chung của ngành		46		
	2.2.1. Kiến thức bắt buộc		40		
002304	Lập trình Python nâng cao	KHUD	4	(48,24,120)	x
001432	Cơ sở dữ liệu	CNTT	3	(26, 8, 60)	x
002705	SQL cho ngành KHDL	KHUD	3	(39,12,90)	x
002310	Mạng máy tính và truyền số liệu	KHUD	4	(52,16,120)	x
002706	Thực hành lập trình Khoa học dữ liệu	KHUD	3	(0,90,90)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
002306	Đồ án 1	KHUD	2	(0,60,120)	x
002707	Phân tích hồi quy	KHUD	4	(42,36,120)	x
002312	Đồ án 2	KHUD	3	(0,90,150)	x
002302	Nhập môn Khoa học dữ liệu	KHUD	2	(26,8,60)	x
002526	Nhập môn Trí tuệ nhân tạo	KHUD	3	(39,24,90)	x
002708	Trực quan hoá dữ liệu	KHUD	3	(30,30,90)	x
002709	Thực hành Trực quan hóa dữ liệu	KHUD	3	(0,90,150)	x
002710	Học máy	KHUD	3	(30,30,90)	x
	2.2.2. Kiến thức tự chọn (chọn 2 trong các học phần)		6		
001109	Tài chính - Tiền tệ	TCNH&BH	3	(39,12,90)	x
002321	Phân tích dữ liệu	KHUD	3	(39,12,90)	x
000666	Tài chính doanh nghiệp	TCNH&BH	3	(39, 2,90)	
002325	Thống kê nhiều chiều	KHUD	3	(30,30,90)	
002329	Lập trình phân tán	CNTT	3	(39,12,90)	
002319	Thống kê Bayes	KHUD	3	(36,18,90)	
002334	Lý thuyết đồ thị	KHUD	3	(30,30,90)	
002335	Quy hoạch thực nghiệm KHDL	KHUD	3	(39,12,90)	
001116	Phân tích tài chính doanh nghiệp	TCNH&BH	3	(39,12,90)	
002336	Lý thuyết tối ưu	KHUD	3	(33,24,90)	
	2.3. Kiến thức chuyên ngành: tự chọn theo định hướng ứng dụng (chọn theo Modul)				
	2.3.1. Modul 1: Khoa học dữ liệu		26		
	2.3.1.1. Kiến thức bắt buộc		12		
002711	Học sâu	KHUD	3	(30,30,90)	x
002712	Thực hành Phân tích dữ liệu	KHUD	3	(0,90,150)	x
002713	Thực hành Khai thác dữ liệu	KHUD	3	(0,90,150)	x
	2.3.1.2. Kiến thức tự chọn (chọn 1 trong các học phần)		3		
001291	Khai phá dữ liệu	KHUD	3	(36,18,90)	x
002328	Kết nối vạn vật và ứng dụng	KHUD	3	(39,12,90)	
002322	Thực tập cuối khoá - KHDL	KHUD	5		x
002323	Khóa luận tốt nghiệp ngành KHDL	KHUD	9		
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				x
002316	Phân tích dữ liệu lớn	KHUD	3	(30,30,90)	x
002331	Phân tích chuỗi thời gian	KHUD	3	(30,30,90)	

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
002332	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên cho KHDL	CNTT	3	(39,12,90)	
	2.3.2. Modun 2: Phân tích dữ liệu (Bổ sung Modun chuyên ngành mới)		26		
	2.3.2.1. Kiến thức bắt buộc		12		
002714	Phân tích dữ liệu truyền thông và mạng xã hội	KHUD	3	(30,30,90)	x
002715	Thực hành Phân tích thống kê	KHUD	3	(0,90,150)	x
002716	Thực hành Phân tích dữ liệu lớn trong tài chính	KHUD	3	(0,90,150)	x
	2.3.2.2. Kiến thức tự chọn (chọn 1 trong các học phần)		3		
002717	Hệ khuyến nghị	KHUD	3	(39,12,90)	x
002324	Truy hồi thông tin và tìm kiếm web	KHUD	3	(39,12,90)	
002322	Thực tập cuối khoá - KHDL	KHUD	5		x
002323	Khóa luận tốt nghiệp ngành KHDL	KHUD	9		x
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				x
002333	Mô phỏng ngẫu nhiên và ứng dụng	KHUD	3	(39,12,90)	
002718	Thương mại điện tử	CNTT	3	(39,12,90)	
002326	Lý thuyết dự báo	KHUD	3	(30,30,90)	

Chú ý: Đánh dấu “x” vào mục ghi chú đối với các học phần dự kiến áp dụng cho đào tạo.

9. Hướng dẫn thực hiện

9.1. Nguyên tắc chung

- Hướng đào tạo: Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng ứng dụng, do vậy khi thực hiện chương trình cần chú ý:

- Theo hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.
- Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.
- Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.

- Các căn cứ khi thực hiện chương trình:

- + Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;
- + Khung trình độ Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;
- + Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

+ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;
 + Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

- Nội dung khi thực hiện chương trình: Các phòng, khoa, tổ bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần phải thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giáo viên lên lớp: Phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù từng ngành, từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các Khoa, Tổ bộ môn xây dựng đầy đủ bài giảng, ngân hàng dữ liệu đề thi cho toàn bộ các học phần và tổ chức giảng dạy theo các phương pháp mới, tích cực hoá các hoạt động của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu.

9.2. Kế hoạch đào tạo

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 4 năm, chia thành 8 kỳ học. Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ và có thể tổ chức học tập thêm trong kỳ nghỉ hè cho một số sinh viên nếu xét thấy cần thiết:

- Học kỳ I bao gồm các nội dung:
 - Sinh hoạt chính trị đầu năm: 1 tuần.
 - Học tập: 15 tuần
 - thi học kỳ, dự trữ:
- Học kỳ II bao gồm các nội dung:
 - Nghỉ tết: 2 tuần.
 - Sinh hoạt lớp, LD công ích: 1 tuần.
 - Học tập: 15 tuần
 - Thi học kỳ, dự trữ:
 - Thi lại của học kỳ I (Được tổ chức sau khi nghỉ tết khoảng 3 tuần)
- Học kỳ phụ bao gồm các nội dung:
 - Nghỉ hè.
 - Thi lại của học kỳ II (Được tổ chức ngay đầu kỳ nghỉ hè)
 - Tổ chức học bù, học phụ đạo, học vượt ...
 - Thi học kỳ phụ.

- Ngoài ra tùy theo tình hình Nhà Trường có thể mở thêm các kỳ học tăng cường, học cải thiện để đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên.

Chú ý:

- Học kỳ I năm học thứ nhất chỉ có 15 tuần (do thời điểm sinh viên vào khoá học muộn hơn so với thời điểm bắt đầu học kỳ I)

- Học kỳ II năm học thứ tư không bố trí kỳ nghỉ hè, kế hoạch được tổ chức liên tục đến khi tốt nghiệp.

- Quy định thực hiện các học phần:

- Các học phần lý thuyết: Tại lớp học không quá 30 tiết/ tuần và đảm bảo không quá 15 giờ/tuần/học phần. Được chia thành các phần: Lý thuyết, Bài tập + Kiểm tra, Thực hành môn học.

- Các học phần thực tập, bài tập lớn: Tại phòng thực hành của Nhà trường và các doanh nghiệp, thời gian không quá 40 giờ/ tuần.

9.3. Chế độ công tác giảng viên

Căn cứ quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Trần Hoàng Long

